



# TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh  
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028.362.00147  
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)  
Website: [www.moitruongphuongnam.vn](http://www.moitruongphuongnam.vn)



## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0008517.25  
MSM: VT.25.4040.NT02

Tên mẫu : Nước thải  
Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN**  
Địa điểm lấy mẫu : Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Số lượng : 01 mẫu  
Ngày lấy mẫu : 05/09/2025  
Ngày trả kết quả : 15/09/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng	QCVN 12-MT: 2015/BTNMT	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02		Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9	Cột A, Kq=1 và Kf=0,9
1	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(#)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	26	27	27	27
2	Chì (Pb) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
3	Cadimi (Cd) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045	-	0,045
4	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> ) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045	-	0,045
5	Cr <sup>3+</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18	-	0,18
6	Đồng (Cu) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8	-	1,8
7	Sắt (Fe) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,9	-	0,9
8	Tổng xyanua (CN) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-CN <sup>-</sup> .C&E:2023	< 0,0015	0,063	-	0,063
9	Tổng phenol <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09	-	0,09
10	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 0,9	4,5	-	4,5
11	Sulfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(#)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023	< 0,040	0,18	-	0,18
12	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,97	4,5	-	4,5
13	Tổng Nito <sup>(#)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000	5,1	18	-	18
14	Tổng Photpho (tính theo P) <sup>(#)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,32	3,6	-	3,6
15	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5 x 10 <sup>2</sup>	3.000	-	3.000

### Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải, tọa độ (N 10°38,733; E 107°2,032);
- QCVN 12-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;



# TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh  
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028.362.00147  
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)  
Website: [www.moitruongphuongnam.vn](http://www.moitruongphuongnam.vn)



- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (-): Không quy định/ Không phân tích;
- <sup>(\*)</sup>: Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

**Trưởng phòng thí nghiệm**

**Cao Trần Thảo Uyên**

**Giám đốc**

**Đinh Tấn Thu**



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6429/09-25

Mã mẫu: 2508KT377 (096/08-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM-DV TRÁU VIỆT  
Địa chỉ lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. HCM  
Ngày lấy (nhận) mẫu : 14/08/2025 Ngày trả kết quả: 21/08/2025  
Thời gian lưu mẫu : Không lưu  
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp  
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : KT/TV-TS 30-201601

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,8; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	m <sup>3</sup> /h	US EPA Method 02	82.846	-
2	Nhiệt độ <sup>(a)</sup>	°C	SOP-HT.KT 06	70,0	-
3	Bụi tổng (PM) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	25,8	160
4	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	7	400
5	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	19	680
6	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	567	800
7	CO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	%	SOP-HT.KT 06	3,94	
8	Cadimi (Cd) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	4
9	Thủy ngân (Hg) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)  
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp  
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận  
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận  
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6430/09-25

Mã mẫu: 2508KT378 (096/08-25) Trang: 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH TM-DV TRÁU VIỆT  
**Địa chỉ lấy mẫu** : KCN Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP. HCM  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 14/08/2025 Ngày trả kết quả: 21/08/2025  
**Thời gian lưu mẫu** : Không lưu  
**Loại mẫu** : Khí thải công nghiệp  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu / vị trí lấy mẫu** : KT/TV-TS 30-201602

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Kp = 0,9; Kv = 1,0 (Cột B)
1	Lưu lượng <sup>(a)</sup>	m <sup>3</sup> /h	US EPA Method 02	47.872	-
2	Nhiệt độ <sup>(a)</sup>	°C	SOP-HT.KT 06	70,9	-
3	Bụi tổng (PM) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	30,4	180
4	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	<3	450
5	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	27	765
6	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP-HT.KT 06	275	900
7	CO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	%	SOP-HT.KT 06	3,72	4,5
8	Cadimi (Cd) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA 29 US EPA 6010D	KPH MDL=0,016	-
9	Thủy ngân (Hg) <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA 29 US EPA 7470A	KPH MDL=0,004	-

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC  
Phó Giám đốc

TRUNG TÂM  
MÔI TRƯỜNG VÀ  
SINH THÁI  
ỨNG DỤNG

HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO / No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO